

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật mặt bằng dự án khu dân cư và tái định cư khu phố Đồng Mười, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh (giai đoạn 01) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Theo Nghị quyết số 161/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Như Thanh về chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật mặt bằng dự án khu dân cư và tái định cư khu phố Đồng Mười, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh (giai đoạn 01); Nghị quyết số 209/NQ-HĐND ngày 05/6/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Như Thanh về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật mặt bằng dự án khu dân cư và tái định cư khu phố Đồng Mười, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh (giai đoạn 01) tại Nghị quyết số 161/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Như Thanh;

Xét Văn bản số 6106/STNMT-BVMT ngày 7/7/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về Thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật mặt bằng dự án khu dân cư và tái định cư khu phố Đồng Mười, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh (giai đoạn 01) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 977/Tr-STNMT ngày 14/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật mặt bằng dự án khu dân cư và tái định cư khu phố Đồng Mười, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh (giai đoạn 01) (sau đây gọi là Dự án) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật mặt bằng dự án khu dân cư và tái định cư khu phố Đồng Mười, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh (giai đoạn 01) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Như Thanh, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND TT Bến Sung (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật mặt bằng dự án khu dân cư và tái định cư khu phố Đồng Mười, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh (giai đoạn 01)
của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin chung dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật mặt bằng dự án khu dân cư và tái định cư khu phố Đồng Mười, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh (giai đoạn 01).
- Địa điểm thực hiện: Tại thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh.
- + Đại diện: Ông Nguyễn Hoàng Ngọc - Chức vụ: Giám đốc Ban.
- + Địa chỉ liên hệ: Khu phố Vĩnh Long 1, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa;
- + Điện thoại: 0975314444

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

a. *Phạm vi dự án:* Khu đất lập dự án có diện tích 9,8ha, thuộc địa giới hành chính thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh. Ranh giới được xác định như sau:

- + Phía Bắc: giáp đất lúa và dân cư hiện trạng;
- + Phía Nam và phía Đông: giáp đường quy hoạch (tuyến Bến En đi trung tâm thị trấn Bến Sung);
- + Phía Tây: giáp khu dân cư và đường bê tông hiện trạng.

b. *Quy mô, công suất dự án:*

- Quy mô: Đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật bao gồm các hạng mục: San nền; Giao thông; Cấp, thoát nước; Cấp điện, chiếu sáng.
- Quy mô sử dụng đất của dự án là 9,8ha, trong đó:
 - + Nhà ở chia lô: Tổng diện tích nhà ở liên kế là khoảng: 9.661,48 m², tầng cao 2÷5 tầng, tổng số 80 lô;
 - + Nhà ở chia lô tái định cư: Tổng diện tích 9.170 m², tầng cao 2÷5 tầng, tổng số 131 lô;
 - + Nhà ở biệt thự: Tổng diện tích 5.777,85 m², tầng cao 2÷4 tầng, tổng số 16 lô;
- + Đất cây xanh công cộng: 3.929,71 m².
- + Đất cây xanh cảnh quan: 18.437,49 m².
- + Đất cây xanh cách ly: 2.541,52m².
- + Đất bãi đỗ xe: 3.590,24 m².
- + Đất đường giao thông: 59.820,47m².

+ Đất công trình đầu mỗi Hạ tầng kỹ thuật: 810,06m².

- Quy mô dân số của dự án khoảng 1.000 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

a. Giải phóng mặt bằng:

Tổng diện tích giải phóng mặt bằng dự án là 9,8ha.

b. Thiết kế san nền:

San nền với độ dốc nền tối thiểu 0,1% đảm bảo thoát nước mặt theo phương pháp đường đồng mức thiết kế với độ chênh cao giữa hai đường đồng mức là 0,05 nhằm giảm khối lượng san lấp; cao độ thiết kế san nền tại các lô đất không chế từ +13,6m đến +14,0m.

c. Giao thông:

Giai đoạn 1 có 13 tuyến đường trong đó 12 tuyến đường nội bộ và 01 tuyến đường gom khớp nối với đường Bến Sung – Bến En, tổng chiều dài L = 2.584,28m;

- Tuyến số 3 (mặt cắt 4-4) từ nút N13 đến nút N16 có chiều dài L= 293,66m.
- Tuyến số 4 (mặt cắt 2-2) từ nút N1 đến nút N19 có chiều dài L= 206,76m.
- Tuyến số 5 (mặt cắt 1-1) từ nút N5 đến nút N7 có chiều dài L= 89,8m.
- Tuyến số 6 (mặt cắt 1-1) từ nút N4 đến nút N8 có chiều dài L= 198,68m.
- Tuyến số 7 (mặt cắt 2-2) từ nút N11 đến nút N12 có chiều dài L= 243,55m.
- Tuyến số 8 (mặt cắt 2-2) từ nút N16 đến nút N18 có chiều dài L= 284,55m.
- Tuyến số 9 (mặt cắt 1-1) từ nút N6 đến nút N21 có chiều dài L= 300,88m.
- Tuyến số 10 (mặt cắt 1-1) từ nút N2 đến nút N20 có chiều dài L= 208,51m.
- Tuyến số 11 (mặt cắt 1-1) từ nút N3 đến nút N15 có chiều dài L= 32,49m.
- Tuyến số 12 (mặt cắt 1-1) từ nút N17 đến nút N22 có chiều dài L= 61,5m.
- Tuyến số 13 (mặt cắt 1-1) từ nút N6 đến nút N18 có chiều dài L= 83,84m.
- Tuyến số 14 (mặt cắt 1-1) từ nút N18 đến nút N23 có chiều dài L= 70,55m.
- Tuyến đường gom (mặt cắt 1-1) từ nút N19 đến nút N23 có chiều dài L= 509,63m.

d. Hệ thống cấp nước:

- Mạng lưới đường ống được thiết kế theo kiểu mạng vòng kết hợp mạng hở.
- Mạng dịch vụ là mạng cung cấp nước trực tiếp đến các đối tượng sử dụng nước, sử dụng các đường ống HDPE D50, D110, D160.
- Mạng ống cấp được không chế bởi các tê, cút, van khoá.
- Chiều sâu chôn ống cấp nước trung bình tối thiểu 0,7 m so với mặt hè tính đến đỉnh ống (Theo QCVN 07-01:2016/BXD).
- Trụ nước cứu hỏa được bố trí dọc các tuyến đường trong khu vực với bán kính phục vụ của mỗi trụ chữa cháy là 125m. Trụ chữa cháy sử dụng loại trụ thép, đường kính ống nước cấp vào DN100. Mạng lưới đường ống cấp nước cứu hỏa là mạng lưới chung kết hợp với mạng lưới cấp nước sinh hoạt.

e. Hạng mục thoát nước:

- *Hạng mục thoát nước mưa*: Xây hệ thống thoát nước mưa là hệ thống công tròn D600 dưới hè, thoát ra mương đất hiện trạng phía Bắc khu vực quy hoạch, trên hệ thống công thoát nước mưa có bố trí các hố ga thăm thu với khoảng cách từ 30 – 40m/hố. Hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

- *Hạng mục thoát nước thải*: Mỗi hộ gia đình trong khu vực dự án xây dựng 01 bể tự hoại xử lý sơ bộ nước thải vệ sinh, bể tách dầu mỡ để xử lý sơ bộ nước thải nấu ăn, sau đó được thu gom bằng ống uPVC dẫn về mương thu gom nước thải BTCT D300 và dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của khu dân cư (công suất 276 m³/ngày đêm), sau xử lý thải ra đường ống thu gom thoát nước thải thị trấn Bến Sung.

g. Hệ thống cấp điện, chiếu sáng:

Tuyến điện trung áp dịch chuyển thiết kế theo cấp điện áp 35KV và đi ngầm theo vỉa hè. Cấp hạ thế từ các trạm biến áp đi ngầm trên vỉa hè. Các nhà tủ gom công tơ bố trí ngoài trời trên vỉa hè. Vị trí tủ gom công tơ bố trí trên vỉa hè trên cột bê tông treo dây điện nằm ở vị trí giáp giữa 2 nhà. Trong các tủ bố trí các aptomat nhánh bảo vệ.

h. Các hạng mục phụ trợ

- *Hồ điều hòa*: Xây dựng thông với hệ thống kênh tiêu nước (thoát nước mưa khu vực) chạy qua dự án. Hướng nước chảy từ Nam sang Bắc. Cao độ lòng hồ +6,54m, phía dưới đáy hồ có giải pháp chống thấm lòng hồ để đảm bảo duy trì mực nước.

- *Kênh tiêu chảy qua dự án*: Đầu tư hệ thống kênh tiêu chảy qua hồ điều hòa quy hoạch và chảy qua nội bộ dự án với mục đích phục vụ tiêu thoát nước mưa cho khu vực.

+ Phía hạ lưu (phía Bắc): Sử dụng công hộp để đầu nối với tuyến kênh cải dịch, đảm bảo tiêu thoát trong khu vực.

+ Phía thượng lưu (phía Nam, tiếp giáp đường KDL Bến En đi thị trấn Bến Sung), thoát nước về hồ điều hòa, sử dụng công hộp có kích thước 2x3x3m, tại cọc 39 KM1 + 93,82 → tuyến kênh cải dịch.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất có nguồn gốc là đất trồng lúa nước từ 02 vụ (ký hiệu LUC) của thị trấn Bến Sung với tổng diện tích bị chiếm dụng vĩnh viễn để thực hiện dự án là 79.701,5 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Các công trình và hoạt động giai đoạn thi công:

- Giải phóng mặt bằng khu vực dự án.
- Thi công san nền khu vực dự án.
- Thi công hệ thống giao thông khu vực dự án.
- Thi công hệ thống thoát nước khu vực dự án.
- Thi công hệ thống cấp nước khu vực dự án.

- Thi công cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng.

2.2. Các công trình và hoạt động giai đoạn vận hành:

- Hoạt động của người dân sống, sinh hoạt tại khu vực dự án;
- Hoạt động xe ra vào dự án;
- Hoạt động vệ sinh môi trường khu vực dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng:

3.1.1. Nước thải, khí thải:

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng 2,64 m³/ngày, trong đó: Nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân 1,56 m³/ngày; Nước thải từ quá trình vệ sinh 1,032 m³/ngày; Nước thải ăn uống 0,048 m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Chất hoạt động bề mặt, chất rắn lơ lửng, các chất hữu cơ, dầu mỡ và vi sinh vật,...

- Nước thải từ quá trình rửa lốp bánh xe khi phương tiện vận chuyển rời công trường: 4 m³/ngày; Nước thải từ quá trình vệ sinh dụng cụ, thiết bị thi công: 1,0 m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công 24,15 (l/s). Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật gồm: bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án, bụi cuốn theo lốp xe. Thành phần gồm: bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂.

- Bụi và khí thải từ hoạt động thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật bao gồm: bụi từ đào đắp trên công trường, trút đổ nguyên vật liệu, thi công công trình, bụi và khí thải từ các máy móc thiết bị tiêu thụ dầu DO, bụi từ hoạt động vệ sinh móng đường cấp phối đá dăm trước khi láng nhựa, khí thải từ hoạt động tưới nhựa dính bám và từ lớp mặt đường bê tông nhựa trong quá trình thi công. Thành phần gồm: bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a. Quy mô tính chất của chất thải rắn:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 25,6 kg/ngày chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa catton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn xây dựng bao gồm:

+ Thực vật phát quang: 73,5 tấn.

+ Đất đào bóc phong hóa: 32.244,57 m³

+ Vật liệu rơi vãi (bao gồm cát, đá, đất) khối lượng là 613,9 tấn.

+ Chất thải rắn từ các loại vật liệu sử dụng trong quá trình thi công như mẫu sắt thép thừa, gạch vỡ, gỗ cốp pha loại, bao bì xi măng, ống nhựa vỡ chiếm 0,5% vật liệu khác của dự án: 74,85 tấn.

b. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa...khối lượng khoảng 96 kg/toàn bộ quá trình thi công.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu máy khoảng 120 lít/toàn bộ quá trình thi công.

3.1.3. Các tác động khác

a. Tác động do tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động thi công của các loại máy móc, thiết bị trên công trường. Các đối tượng bị tác động bao gồm người dân sinh sống xung quanh khu vực dự án, công nhân thi công tại công trường và người dân tham gia giao thông qua khu vực dự án.

b. Các rủi ro, sự cố môi trường:

- Rủi ro, sự cố bom mìn tồn lưu;
- Rủi ro, sự cố tai nạn lao động;
- Rủi ro, sự cố cháy nổ;
- Rủi ro, sự cố cố ngộ độc thực phẩm;
- Rủi ro, sự cố do dịch bệnh.

3.2. Giai đoạn vận hành:

3.2.1. Nước thải, khí thải:

a. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Lưu lượng nước mưa chảy tràn khoảng 796,84 lít/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt khoảng 120 m³/ngày. Trong đó: Nước thải vệ sinh: 60 m³/ngày; nước thải ăn uống: 24 m³/ngày; nước thải tắm rửa, giặt giũ: 36 m³/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm: Chất hoạt động bề mặt, chất rắn lơ lửng, các chất hữu cơ, dầu mỡ và vi sinh vật,...

b. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi và khí thải trong giai đoạn vận hành của dự án phát sinh từ: Hoạt động của phương tiện giao thông; hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình; mùi hôi từ công trình xử lý nước thải và chất thải rắn; hoạt động xây dựng của các hộ gia đình. Phạm vi tác động chủ yếu trong khuôn viên dự án. Thành phần khí thải chủ yếu: NO₂, SO₂, CO,...

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Quy mô tính chất của chất thải rắn:

- Chất thải phát sinh từ sinh hoạt của các hộ dân khoảng 800 kg/ngày.đêm. Trong đó: Chất thải rắn sinh hoạt thông thường bao gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: 160 kg/ngày.đêm; chất thải thực phẩm là

560 kg/ngày.đêm; chất thải rắn sinh hoạt khác (bao gồm chất thải có khả năng đốt thu hồi năng lượng như lá cây, tranh ảnh, gỗ... và chất thải tro như thủy tinh, sành...): khối lượng là 80 kg/ngày.đêm.

- Chất thải rắn các công trình công cộng: 200 kg/ngày.

b. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt khoảng 8,0 kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải, pin thải, bóng đèn neon,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

4.1. Giai đoạn xây dựng:

4.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (cát, đá,...): che chắn bằng bạt; không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại gần mương thoát nước; hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực; quản lý dầu mỡ và vật liệu độc hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa và hố gas tạm để thoát nước mưa, khoảng cách giữa các hố gas 50m/hố gas. Rãnh thoát nước mưa là các rãnh đào tạm thời kích thước sâu x rộng = 0,4x0,5(m); các hố gas tạm có kích thước $d \times r \times c = 0,8 \times 0,8 \times 0,8$ (m).

- Thường xuyên khơi thông, nạo vét cống, rãnh, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

b. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Đối với nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ có lưu lượng 1,56 m³/ngày → 01 hố lắng tạm thể tích 2,0 m³ (dùng vải địa kỹ thuật HDPE lót đáy và thành chống thấm) bố trí gần lán trại thi công → Kênh nội đồng phía Bắc dự án.

- Đối với nước thải vệ sinh có lưu lượng 1,032 m³/ngày: Thuê 04 nhà vệ sinh di động để xử lý lượng nước thải sinh hoạt phát sinh. Kích thước lọt lòng (mỗi nhà vệ sinh): 900 x 1.300 x 2.450 mm; Dung tích bồn nước sạch: 400 lít; Dung tích hầm chứa phân: 500 lít. Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 02 ngày/lần) bằng xe chuyên dụng.

- Đối với nước thải từ ăn uống có lưu lượng 0,048 m³/ngày → rãnh (lót vải HDPE) tự chảy → hố lắng tạm 2,0 m³ (cùng với nước thải tắm giặt) → kênh nội đồng phía Bắc dự án.

c. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:

- Nước thải rửa xe có lưu lượng khoảng 4m³/ngày → rãnh đất (lót vải HDPE) tự chảy → hố lắng tạm 5,0 m³ (dùng vải địa kỹ thuật HDPE lót đáy và thành chống thấm, trí gần cống ra vào dự án) → kênh nội đồng phía Bắc dự án.

- Nước thải rửa dụng cụ thi công có lưu lượng khoảng 1,0m³/ngày → rãnh đất (lót vải HDPE) tự chảy → hố lắng tạm 5,0m³ (kích thước 2mx2,5mx1m) cùng

với nước thải rửa lớp bánh xe → kênh nội đồng phía Bắc dự án.

4.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính,... theo quy định (số lượng 100 bộ), bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Thực hiện phát quang đến đâu, vận chuyển đưa đi đổ thải đến đó để tránh phát tán bụi và mùi gây ảnh hưởng đến các khu vực lân cận.

- Điều tiết xe phù hợp để tránh làm gia tăng mật độ xe, nhất là vào các giờ cao điểm trong ngày (từ 7h-8h, từ 11h-12h, từ 16h30-17h30), bằng cách chia ca tan làm cách nhau 10 phút.

- Bố trí công nhân quét dọn vệ sinh khu vực công trường, tuyến đường ra vào dự án (tuyến đường QL45, đường thị trấn Bến Sung và các tuyến đường dân sinh khác) khi thấy có đất, cát vương vãi.

- Phun nước làm ẩm, giảm bụi với tần suất 03 lần/ngày trong những ngày vận chuyển nguyên vật liệu, tăng tần suất phun tưới nước lên 04 lần/ngày nếu thấy bụi xuất hiện nhiều trên tuyến đường vận chuyển.

- Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hoá tới mức tối đa, các máy móc thi công hiện đại và hiệu suất sử dụng nhiên liệu cao nhằm hạn chế phát sinh bụi từ khí thải.

- Lắp dựng rào tôn xung quanh khu vực thi công dự án để ngăn cách giữa khu vực thi công dự án và các khu vực xung quanh, $L \times H = 1.500 \times 2,0$ (m);

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt:

- Thực hiện phân loại rác thải tại nguồn: Chất thải rắn sinh hoạt không tái chế thu gom riêng vào các thùng 30 lít (04 thùng) và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển với tần suất 01 lần/ngày; chất thải rắn sinh hoạt có thể tái chế thu gom riêng vào thùng nhựa composite 120 lít (01 thùng) đặt tại khu vực lán trại công nhân và bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng:

- CTR trong quá trình giải phóng mặt bằng gồm lúa nước, cây cỏ, hoa màu,... có khối lượng khoảng 73,5 tấn: Người dân thu hoạch trước khi thi công.

- Đối với đất bóc hữu cơ ($32.244,57 \text{ m}^3$), thành phần chủ yếu là nước (chiếm tới 50%) sau khi nạo vét tập kết thành từng khu vực cao 1-1,5m để ráo (tách) nước tự nhiên, khối lượng bùn sau tách nước giảm còn khoảng 30%, nên lượng bùn vét thực tế sau tách nước khoảng $9.673,37 \text{ m}^3$ tận dụng đắp vào khu vực trồng cây xanh (diện tích đất trồng cây xanh là $24.908,72 \text{ m}^2$ và khối lượng đất đắp trồng cây cần dùng là 12.454 m^3).

- Đất, đá, cát rơi vãi... có khối lượng khoảng 613,9 tấn: Tận dụng để san nền khu vực dự án.

- Đối với CTR trong quá trình thi công bao gồm bì catton, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng, ống nhựa vỡ,...khối lượng 74,85 tấn: Thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị 04 thùng chuyên dụng 250 lít/thùng để thu gom (trong đó 02 thùng chứa dầu nhớt thải và 02 thùng chứa chất thải rắn nguy hại). Các thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, bên ngoài thùng có biểu tượng cảnh báo nguy hại, có dán nhãn mác và đặt trong nhà kho diện tích khoảng 10m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng để đưa đi xử lý sau khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:

- *Trách nhiệm của Ban Quản lý DADT xây dựng huyện Như Thanh:*

+ Thiết kế, xây dựng hệ thống cống thoát nước D600 thu gom nước mưa chảy tràn thoát ra kênh nội đồng phía Bắc dự án.

+ Định kỳ nạo vét, khơi thông và cải tạo khi bị hư hỏng xuống cấp hệ thống tiêu thoát nước mưa cho khu dân cư, đảm bảo tiêu thoát hết nước khi có mưa, không gây ngập úng.

- *Trách nhiệm của UBND thị trấn Bến Sung:*

+ Yêu cầu các hộ dân khi thi công xây dựng nhà phải xây dựng hệ thống thoát nước mưa phù hợp để đấu nối với hệ thống thoát nước mưa của khu dân cư.

+ Hợp đồng với đơn vị chức năng nạo vét định kỳ các hố ga để loại bỏ rác, cặn lắng, bùn thải, vận chuyển xử lý đúng quy định.

b. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- *Trách nhiệm của Ban Quản lý DADT xây dựng huyện Như Thanh:*

+ Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom, xử lý nước thải của dự án.

+ Nước thải tắm, giặt (lưu lượng 36m³/ngày.đêm) → đường ống uPVC D200 → song chắn rác → hố ga được bố trí tại mỗi căn hộ → hệ thống BTCT D300 → trạm xử lý nước thải tập trung của khu dân cư → đường ống thoát nước thải thị trấn Bến Sung.

+ Nước thải từ hoạt động nấu ăn (lưu lượng 24 m³/ngày.đêm) → đường ống uPVC D200 → song chắn rác → bể tách dầu mỡ bố trí tại mỗi căn hộ → hệ thống BTCT D300 → trạm xử lý nước thải tập trung của khu dân cư → đường ống thu gom thoát nước thải thị trấn Bến Sung.

+ Nước thải từ nhà vệ sinh (lưu lượng 60 m³/ngày.đêm): mỗi hộ gia đình trong khu vực tự xây dựng 01 bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ → đường ống uPVC D200 → hệ thống BTCT D300 → trạm xử lý nước thải tập trung của khu dân → đường ống thoát nước thải thị trấn Bến Sung .

Trạm xử lý nước thải tập trung có công suất 276 m³/ngày.đêm, xây ngầm tại khu đất phía Đông Bắc dự án. Công nghệ xử lý như sau:

Ngăn tách cặn → Ngăn điều hòa → Ngăn phân ly rắn lỏng → Ngăn lọc kỵ khí → Ngăn lọc số 1 → Ngăn đệm vi sinh → Ngăn lọc số 2 → Ngăn tuần hoàn → Ngăn khử trùng → Ngăn nước sau xử lý → Môi trường.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, sau đó thải ra đường ống thu gom thoát nước thải thị trấn Bến Sung, tọa độ đầu nối tại đường ống thoát nước thải thị trấn là (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105, múi chiều 3⁰): X = 560820 (m); Y = 2170769 (m).

- *Trách nhiệm của UBND thị trấn Bến Sung:*

+ Thuê đơn vị có chức năng kiểm tra, nạo vét định kỳ hệ thống đường ống dẫn nước thải, kịp thời phát hiện hỏng hóc, mất mát để có kế hoạch sửa chữa, thay thế, bổ sung định kỳ (6 tháng/lần) chế phẩm vi sinh vào các ngăn phân hủy vi sinh để nâng cao hiệu quả làm sạch của công trình xử lý nước thải.

+ Đưa ra quy định và yêu cầu các hộ gia đình vào đầu tư xây dựng phải cam kết không để rơi vãi chất thải rắn, hóa chất, dung môi hữu cơ, xăng dầu, xà phòng,...vào hệ thống thoát nước.

- *Trách nhiệm của các hộ dân:*

+ Các hộ dân khi xây dựng nhà cửa phải có biện pháp thu gom, xử lý nước thải phát sinh, không làm ô nhiễm môi trường.

+ Yêu cầu các hộ dân tự xây dựng tại mỗi công trình 01 bể tự hoại dung tích 3m³, kích thước dài x rộng x sâu = 2,0m x 1,5m x 1,0m; đầu nối vào đường ống thu gom nước thải của khu dân cư.

+ Yêu cầu các hộ dân tự lắp đặt tại mỗi công trình 01 bể tách dầu mỡ tích 0,25m³, kích thước dài x rộng x sâu = 0,5m x 0,5m x 1m; đầu nối vào đường ống thu gom nước thải của khu dân cư.

+ Yêu cầu các hộ dân tự lắp đặt song chắn rác tại vị trí đầu đường ống thu gom nước thải.

4.2.2. Về bụi, khí thải

- *Trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh:*

+ Đảm bảo tỷ lệ cây xanh trồng theo đúng quy hoạch.

+ Thiết kế hệ thống cây xanh dọc theo các tuyến giao thông nội bộ: các loại cây có tán rộng, thân thẳng, trổ hoa đồng loạt và theo mùa tạo nét văn hóa đặc trưng riêng cho khu đô thị.

+ Quy định rõ ràng, cụ thể về việc tuân thủ các công tác bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng của các hộ dân.

+ Thường xuyên giám sát, kiểm tra hoạt động xây dựng của các hộ dân.

+ Xây dựng hệ thống thu gom nước thải của dự án kiên cố, có nắp đậy bằng betong, có ống thoát khí, nhằm hạn chế sự phát tán mùi hôi.

- *Trách nhiệm của UBND thị trấn Bến Sung:*

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng, thường xuyên quét dọn vệ sinh thường xuyên khu vực dọc tuyến đường nội bộ của khu dân cư; kiểm tra hệ

thống thu gom, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối.

- + Phun nước tưới đường giao thông nội bộ khu dân cư, đoạn ra vào khu dân cư nhằm giảm bụi bốc bay theo lớp bánh xe.

- + Khuyến khích các hộ gia đình trồng cây xanh trong khuôn viên căn hộ nhằm điều hòa vi khí hậu trong gia đình cũng như tạo cảnh quan môi trường.

- + Tuyên truyền người dân sử dụng các nhiên liệu ít gây ô nhiễm môi trường trong hoạt động sinh hoạt như: gas, điện,... không sử dụng nhiên liệu hóa thạch gây ô nhiễm môi trường.

- + Các thùng đựng rác thải phải có nắp đậy, được bố trí tại các điểm tập kết theo quy định và được thu gom, vận chuyển đưa đi xử lý hàng ngày.

- *Trách nhiệm của các hộ dân:*

- + Chủ động vệ sinh hàng ngày đối với khu vỉa hè trong phạm vi phía trước mỗi khu nhà, trồng cây xanh trong khuôn viên khu đất nhằm điều hòa vi khí hậu, tạo cảnh quan môi trường;

- + Khuyến khích hộ dân lắp đặt hệ thống hút mùi tại khu vực nhà bếp, khu vực nhà bếp được hút khí thải bằng hệ thống chụp hút;

- + Tắt các phương tiện giao thông của cá nhân khi không cần thiết;

- + Thu gom, phân loại, tập kết chất thải đúng quy định;

- + Bổ sung chế phẩm khử mùi đối với các bể phốt xử lý nước thải sinh hoạt.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý CTR thông thường

- *Trách nhiệm của Ban Quản lý DADT xây dựng huyện Như Thanh:*

Trang bị 2 xe chứa CTR có dung tích $0,5\text{m}^3/\text{xe}$ đặt tại điểm tập kết CTR (khu vực tập kết có diện tích 15m^2 , tại góc của khu đất cây xanh 02).

- *Trách nhiệm của UBND thị trấn Bến Sung:*

- + Tuyên truyền, yêu cầu các hộ dân tuân thủ Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/03/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định chi tiết quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- + *Trang bị 05 thùng đựng rác loại 240 lít (kích thước $D \times R \times H = 57,5 \times 72 \times 101 \text{ cm}$) đặt dọc các tuyến đường nội bộ khu dân cư để thu gom chất thải tro.*

- *Trách nhiệm của các hộ dân:*

- + Thực hiện việc phân loại rác thải tại nguồn; có các thùng riêng biệt để phân loại rác theo đúng quy định.

- + Thu gom chất thải rắn thực phẩm vào các thùng chứa có nắp đậy để tránh sự phân huỷ của các chất hữu cơ dễ phân huỷ sinh học gây ô nhiễm môi trường và sức khỏe cộng đồng do mùi hôi và nước rỉ rác.

- + Tập kết rác đúng thời gian quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- + Không xả rác ra môi trường, nơi công cộng,...

+ Nộp phí xử lý rác thải đầy đủ cho đơn vị thu gom xử lý.

4.2.4. Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn công cộng:

- *Trách nhiệm của Ban Quản lý DADT xây dựng huyện Như Thanh:*

Trang bị 20 thùng đựng rác loại 240 lít (kích thước DxRxH = 57,5x72x101 cm) đặt tại khuôn viên công viên cây xanh.

- *Trách nhiệm của UBND thị trấn Bến Sung:*

Tổ chức dịch vụ thu gom hoặc hợp đồng thuê đơn vị thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt đem đi xử lý với tần suất 01 ngày/lần. Thuê đơn vị vệ sinh môi trường địa phương thực hiện vệ sinh khu vực cây xanh, công viên của dự án.

- *Trách nhiệm của các hộ dân:*

+ Không xả rác ra môi trường, nơi công cộng,...

+ Nộp phí xử lý rác thải đầy đủ cho đơn vị thu gom xử lý.

4.2.5. Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:

- *Trách nhiệm của UBND thị trấn Bến Sung:*

+ Bố trí 02 thùng nhựa loại 500 lít màu đen để chứa CTNH rắn và lỏng riêng biệt; có dán nhãn và chỉ dẫn “chất thải nguy hại” bên ngoài thùng, thùng có nắp đậy kín đặt tại nhà văn hóa thôn Đồng Mười (cách dự án 250m về phía Đông Nam) để thu gom CTNH từ hoạt động của các gia đình.

+ Thường xuyên, kiểm tra, giám sát việc phân loại và thải bỏ chất thải nguy hại của người dân.

+ Tuyên truyền, yêu cầu các hộ dân tự phân loại, không để chung với rác thải sinh hoạt; Phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo đúng Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/03/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định chi tiết quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để thu gom CTNH chuyển vào các thùng chứa chất thải nguy hại theo các chủng loại quy định đã được dán nhãn bên ngoài thùng;

+ Hợp đồng với các đơn vị chức năng xử lý đúng quy định.

+ Định kỳ 3 tháng/lần chính quyền địa phương thu gom và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

- *Trách nhiệm của các hộ dân:*

+ Thu gom, phân loại chất thải nguy hại và bỏ vào các thùng đựng CTNH do UBND thị trấn bố trí.

+ Nộp phí cho chủ đầu tư để hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý.

Danh mục các công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

TT	Công trình bảo vệ môi trường	Đơn vị tính	Số lượng
1	Công trình xử lý nước thải		
-	Hệ thống mương thoát nước mưa	Hệ thống	01
-	Hệ thống thoát nước thải	Hệ thống	01
-	Hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 276	Hệ thống	01

	m ³ /ngày.đêm)		
2	Công trình/thiết bị thu gom, lưu giữ chất thải rắn		
-	Xe chứa chất thải rắn, dung tích 0,5m ³ /xe	Xe	02
-	Thùng đựng chất thải tro dọc tuyến đường nội bộ, dung tích 240 lít	Thùng	05
-	Thùng đựng chất thải rắn công cộng, dung tích 240 lít	Thùng	20
-	Thùng chứa CTR nguy hại, dung tích 500 lít	Thùng	02

5. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.
- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.